

Bản án số: 239/2024/HS-ST
Ngày: 15-08-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Thúy Vinh và bà Nguyễn Thị Mai
Phuong

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Mai Hoa - Thư ký TAND thành phố Vinh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Bích Yến - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 08 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh
Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số
215/2024/TLST-HS ngày 18/07/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
268/2024/QĐXXST-HS ngày 01/08/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn D**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1977 tại thành phố V,
tỉnh Nghệ An; Nơi thường trú: khối A, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An;
nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính:
Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T và con bà Nguyễn
Thị N; Vợ: Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1977 (đã ly hôn), con: có 01 con sinh
năm 1999; Anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là con thứ hai; Tiền án: không

Tiền sự: Ngày 01/03/2024, Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính về
hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Nhân thân: - Năm 2003, Tòa án nhân dân huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử
phạt 05 tháng tù về tội “bắt giữ người trái pháp luật”.

- Năm 2009, Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 24 tháng
tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Năm 2015, Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt
25 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 13 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chấp hành xong ra trại ngày 12/01/2019
Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/04/2024 đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 30/03/2024, Lê Văn D đi vào thành phố Hồ Chí Minh dự đám cưới thì gặp một người bạn tên P (không rõ lai lịch, địa chỉ), D hỏi mua của P 01 gói ma túy đá với giá 5.000.000 đồng đem về nhà để sử dụng dần. Sau khi mua được ma túy thì D1 đem gói ma túy giấu trong thùng cam rồi gửi xe khách về thành phố V, tỉnh Nghệ An. Sáng 03/04/2024, D đi máy bay về thành phố V, đến khoảng 10 giờ cùng ngày D1 nhận được thùng cam có chứa gói ma túy từ người giao hàng, D mở lấy gói ma túy bỏ vào túi quần đang mặc. Đến 18 giờ 30 phút ngày 03/03/2024, Lê Văn D đi đến khu vực Gara ô tô S thuộc xóm P, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An thì bị tổ công tác Công an xã N, thành phố V kiểm tra, phát hiện trong túi quần phía trước bên phải của Lê Văn D 01 gói ma túy được gói bên ngoài bằng bao ni lông màu trắng bên trong có chứa chất kết tinh màu trắng. Lê Văn D khai nhận số ma túy thu giữ D mua ở thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng dần. Người cùng tang vật được đưa về trụ sở lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại ngày 03/4/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V và Kết luận giám định số 385/KL-KTHS(D2-MT) ngày 08/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: Mẫu chất tinh thể màu trắng thu giữ của Lê Văn D gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Số chất tinh thể thu giữ của Lê Văn D có khối lượng 7,676 gam"

Vật chứng vụ án: Số ma túy thu giữ của Lê Văn D khi bắt có khối lượng 7,676 gam, quá trình giám định đã sử dụng hết 01 gam, còn lại 6,676 gam được niêm phong phong bì thư dán kín được bảo quản tại Kho vật chứng Chi cục hành án dân sự thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Tại Bản cáo trạng số 228/CT-VKS-TPV ngày 17/07/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh đã truy tố Lê Văn D về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249,

điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt Lê Văn D từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo; Về vật chứng: áp dụng Điều 47 BLHS và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy số ma túy thu giữ của Lê Văn D còn lại sau khi lấy mẫu giám định; Về án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; Tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn D khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày **03/4/2024**, tại khu vực Gara ô tô S thuộc xóm P, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Lê Văn D có hành vi cất giữ trái phép 01 gói ma túy (Methamphetamine) có khối lượng là 7.676 gam để sử dụng thì bị tổ công tác Công an xã N, thành phố V phát hiện bắt quả tang. Như vậy, hành vi mà Lê Văn D thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 điều 249 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

[2.2]. Về tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Vụ án thuộc loại **rất** nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước Việt Nam đối với chất ma túy, làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội, bị cáo có nhân thân

xấu. Vì vậy cần xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét thấy quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, có thái độ khai báo thành khẩn tỏ ra ăn năn hối cải; bố mẹ đẻ của bị cáo là người có công với cách mạng nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[2.3]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[2.4]. Trong vụ án này, theo lời khai của Lê Văn D nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là do D mua của một đối tượng tên P không rõ tên, tuổi, địa chỉ. Cơ quan CSĐT điều tra làm rõ, xử lý sau.

[2.5]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Số ma túy thu giữ của Lê Văn D còn lại sau khi lấy mẫu giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[2.6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[2.7]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Văn D 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/04/2024.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Lê Văn D

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy phong bì bưu điện được niêm phong bên trong chứa tổng 6,676 gam Methamphetamine

(Vật chứng trên hiện có tại Kho vật chứng Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo Phiếu nhập kho số NK /2024).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc Lê Văn D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND thành phố Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Vinh;
- Công an thành phố Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hồng Nhung

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 10 phút ngày 15 tháng 08 năm 2024

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng N1

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Thúy V và bà Nguyễn Thị Mai P1

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 215/2024/TLST-HS ngày 18/07/2024 đối với bị cáo: Lê Văn D

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH

CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập đều hợp pháp. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên đồng ý

2. Về tội danh: Có căn cứ để kết luận Lê Văn D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên đồng ý

3. Về hình phạt: Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Văn D 05 (năm) năm 03 (bà) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/04/2024.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Lê Văn D

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên đồng ý

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy phong bì bưu điện được niêm phong bên trong chứa tổng 6,676gam Methamphetamine

(Vật chứng trên hiện có tại Kho vật chứng Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo Phiếu nhập kho số NK 2024/237 ngày 17/07/2024).

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên đồng ý

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc **Lê Văn D** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên đồng ý

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên đồng ý

7. Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên đồng ý

Nghị án kết thúc cùng ngày. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA